

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Ân

Bà Lê Thị Ngọc Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Minh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: B, tổ G, khu phố B, phường L, thành phố B, Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Ho Khoa V, sinh năm 1993.

Địa chỉ: I L, F, CA 92708, USA.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Phùng Thị Minh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ho Khoa V tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2023, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2023 ngày 17/01/2023.

Sau khi kết hôn, ông bà có khoảng thời gian ngắn sống chung tại 228A, tổ G, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ngày 21/01/2023, vì lý do công việc nên ông Ho Khoa V trở về Hoa Kỳ và từ đó đến nay không quay lại Việt Nam, còn bà vẫn sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Do khoảng thời gian sống chung ngắn ngủi, sau đó hai vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng không được bồi dưỡng, dần phát sinh mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ho Khoa V.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Ho Khoa V trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phùng Thị Minh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2023, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2023 ngày 17/01/2023.

Sau khi kết hôn vì lý do công việc nên ông trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc từ đó cho đến nay, không trở lại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần và hiện nay không còn tình cảm với nhau. Nay bà T xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Tại Công văn số 624/VKS-P9 ngày 10/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai căn cứ Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án trên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn là người nước ngoài và đang sinh sống ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Ho Khoa V và bà Phùng Thị Minh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ nên căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ

luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông [Ho Khoa V](#) và bà [Phùng Thị Minh T](#).

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông [Ho Khoa V](#) và bà [Phùng Thị Minh T](#) có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được [Ủy ban nhân dân thành phố B](#), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2023 ngày 17/01/2023 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Ông [Ho Khoa V](#) và bà [Phùng Thị Minh T](#) đều trình bày: Sau khi kết hôn vì lý do công việc nên ông [Ho Khoa V](#) trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc từ đó cho đến nay, không trở lại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần và hiện nay không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà [T](#) xin ly hôn với ông [Ho Khoa V](#) thì ông [Ho Khoa V](#) đồng ý. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà [Phùng Thị Minh T](#), cho bà [Phùng Thị Minh T](#) được ly hôn với ông [Ho Khoa V](#) để trả tự do cho cả hai là phù hợp.

[3.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Bà [Phùng Thị Minh T](#) phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 147, 227, 228, 238, 469, 470, 474 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 123, 124, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà [Phùng Thị Minh T](#) đối với ông [Ho Khoa V](#).

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà [Phùng Thị Minh T](#) được ly hôn với ông [Ho Khoa V](#).

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà [Phùng Thị Minh T](#) phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000301 ngày 09/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

4. Bà [Phùng Thị Minh T](#) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, ông [Ho Khoa V](#) được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mỹ Hạnh